

2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

第二回合編組表

Round 2 Grouping



地點：南寶高爾夫俱樂部NAN PAO GOLF CLUB 上午場 Morning Session

112年8月23日(星期三)

第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-	第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee					組別 Group	時間 Time	梯台 Tee				
1	6:30	1 A區	蔡啟煌	TWN	74	2	11	6:35	10 B區	賴嘉一	TWN	70	-2
			曾子軒	TWN	71	-1				王鈺棋	TWN	75	3
			殷梓勛 A	TWN	78	6				許智傑	TWN	77	5
2	6:40		林永龍	TWN	76	4	12	6:45		曾豐棟	TWN	72	E
			蔣宸巒	TWN	72	E				黃冠勳	TWN	76	4
			蔡宗佑	TWN	73	1							
3	6:50		連驪森	TWN	74	2	13	6:55		李士鴻	TWN	71	-1
			許孟男	TWN	78	6				范揚嘉	TWN	73	1
			瀨下裕太 A	JPN	90	18				曾子豪	TWN	69	-3
4	7:00		施俊宇	TWN	75	3	14	7:05		鄭存宸	TWN	71	-1
		許育誠	TWN	74	2	蔡顥至			TWN	81	9		
		張哲綸 A	TWN	84	12	王璽安			TWN	73	1		
5	7:10	洪駿剛	TWN	77	5	15	7:15	陳傑生	TWN	73	1		
		簡佑賢	USA	71	-1			黃韋豪	TWN	74	2		
		謝繼賢	TWN	71	-1			蔡雨達	TWN	73	1		
6	7:20	張建棋	TWN	82	10	16	7:25	何勁宏	TWN	70	-2		
		黃議增	TWN	75	3			辜柏雲	TWN	71	-1		
		林緯	TWN	68	-4			林冠伯	TWN	74	2		
7	7:30	翁永田	TWN	68	-4	17	7:35	王偉祥	TWN	72	E		
		盧建順	TWN	83	11			呂偉智	TWN	72	E		
		伴翔太郎	USA	71	-1			劉又睿	TWN	71	-1		
8	7:40	謝旻軒	TWN	75	3	18	7:45	沙比亞特·馬克	TWN	72	E		
		何易叡	TWN	77	5			蔡凱任	TWN	68	-4		
		胡宇棠 A	TWN	75	3			謝東宏	TWN	72	E		
9	7:50	王人立	TWN	86	14	19	7:55	陳逸祐	TWN	75	3		
		張宇誠	TWN	75	3			李啟宗	TWN	76	4		
		蘇清安	TWN	74	2			李威廷 A	TWN	79	7		
10	8:00	蕭和宇	TWN	74	2	20	8:05	林為超	TWN	77	5		
		蘇文祥	TWN	73	1			蔡辰錯	TWN	76	4		
		林鼎軒 A	TWN	87	15			高隆睿 A	TWN	77	5		

2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

第二回合編組表

Round 2 Grouping



地點：南寶高爾夫俱樂部 NAN PAO GOLF CLUB 下午場 Afternoon Session

112年8月23日(星期三)

第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-	第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	R1 Score	+/-
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee					組別 Group	時間 Time	梯台 Tee				
30	10:45		林張恆	TWN	74	2	21	10:40		高嘉鴻	TWN	69	-3
			劉澤森	TWN	74	2				吳致誼	TWN	82	10
31	10:55		洪昭鑫	TWN	73	1	22	10:50		蘇晉弘 A	TWN	71	-1
			林宸駒	TWN	77	5				余松柏	TWN	76	4
			邱瀚霆	TWN	69	-3				李尚融	TWN	75	3
32	11:05		林義淵	TWN	71	-1	23	11:00		陳暉泓	TWN	73	1
			陳鳴悒	TWN	79	7				陳志宏	TWN	79	7
			陳奕騫	TWN	73	1				呂文德52	TWN	74	2
33	11:15		廖煥鈞	TWN	71	-1	24	11:10		林紹白 A	TWN	96	24
			高 藤	TWN	73	1				蘇彥璋	TWN	72	E
			林楷傑 A	TWN	78	6				陳柏睿	TWN	77	5
34	11:25	1 A 區	陳伯豪	TWN	72	E	25	11:20	10 B 區	陳又勁 A	TWN	81	9
			林耕緯	TWN	70	-2				張哲瑜	TWN	70	-2
			范姜皓詮	TWN	73	1				林文堂	TWN	71	-1
35	11:35		彭弘瑾	TWN	70	-2	26	11:30		葉 甫	TWN	74	2
			溫楨祥	TWN	72	E				陳威勝	TWN	73	1
			許智凱	TWN	75	3				沈威成	TWN	69	-3
36	11:45		葉昱辰	TWN	69	-3	27	11:40		劉巖鴻	TWN	72	E
			宋孟璋	TWN	72	E				林大鎬	TWN	76	4
			陳科壹	TWN	78	6				陳裔東	TWN	72	E
37	11:55		楊浚頡	TWN	82	10	28	11:50		方傳崑	TWN	78	6
			汪德昌	TWN	77	5				張簡克諺	TWN	71	-1
			蔡勁暘 A	TWN	72	E				李謹州	TWN	74	2
38	12:05		劉永華	TWN	71	-1	29	12:00		陳宥蓁	TWN	80	8
			呂孫儀	TWN	76	4				卓宗霖	TWN	72	E
			洪瑞誠	TWN	70	-2				林遠惟	TWN	70	-2
39	12:15		林晟毓	TWN	68	-4				楊 豪	TWN	79	7
			王宥崑	TWN	67	-5							
			柯亮宇 A	TWN	78	6							